TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/DS-ST
Ngày: 29-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bắc;

2. Bà Vương Thị Vui.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Bá Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Hường – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐXX - STDS ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B. Có mặt.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2018; bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn (bà) có ý kiến:

Giữa bà S và bà T có mối quan hệ quen biết. Ngày 20 tháng 11 năm 2015, bà T có vay của bà S số tiền 30.000.000 đồng. Bà S có đến nhà bà Nguyễn Thị

H, sinh năm 1979, ngụ tại: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B vay dùm cho bà T số tiền 30.000.000 đồng. Việc bà T vay tiền của bà S, bà T có viết giấy tay, ký tên, ghi họ tên. Giấy không hẹn ngày trả, không ghi lãi suất. Hai bên thỏa thuận miệng là khi bà T cần sẽ trả tiền nợ gốc và lãi thỏa thuận 900.000 đồng/tháng. Đến thời hạn trả, nhiều lần bà S yêu cầu bà T trả lại số tiền 30.000.000 đồng, nhưng bà T không trả. Nay bà S yêu cầu Tòa án buộc bà T có trách nhiệm trả cho bà S số tiền 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà S thừa nhận số tiền 30.000.000 đồng của giấy nợ ngày 20 tháng 11 năm 2015 đã được cộng dồn thành số tiền 170.000.000 đồng mà bà T vay ngày 30 tháng 5 năm 2016. Tuy nhiên, bà T chưa trả nợ theo Quyết định 106/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018. Nay bà tìm được giấy nợ số tiền 30.000.000 đồng của giấy nợ ngày 20 tháng 11 năm 2015 nên tiếp tục kiện.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn (bà T) có ý kiến:

Nguyên giữa bà T và bà S là quan hệ dì cháu ruột. Do nhu cầu cần vốn làm ăn nên ngày 20 tháng 11 năm 2015, bà Thúy có vay của bà S số tiền 30.000.000 đồng. Đến ngày 30 tháng 5 năm 2016, bà T và bà S có tổng lại số tiền mà bà T còn nợ bà S là 170.000.000 đồng. Trong tổng số nợ đó gồm có số tiền 30.000.000 đồng này. Khi bà S khởi kiện bà T ra Tòa án theo hồ sơ thụ lý số 238/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2018 thì bà S có thừa nhận bà T đã trả cho bà S số tiền 45.000.000 đồng; bà T chỉ còn nợ bà S số tiền 125.000.000 đồng. Nay bà S khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền 30.000.000 đồng thì bà T không đồng ý. Đề nghị Tòa án xem xét lại hồ sơ thụ lý số 238/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã xử lý nợ này.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 11 năm 2018 của người làm chứng Nguyễn Thị H có ý kiến:

Ngày 18 tháng 11 năm 2015, bà S có vay tiền 30.000.000 đồng của bà H. Bà S nói là vay dùm cho bà T. Tuy nhiên, bà S có cho bà T vay hay không thì bà H không biết. Việc bà S vay của bà H đã thỏa thuận xong. Còn việc bà T vay của bà S thì hai bên tự xử lý. Bà H không liên quan gì trong vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà S; bị đơn là bà T.

Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Quan điểm xử lý vụ án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà S thừa nhận số nợ 30.000.000 đồng đã được nhập vào số nợ 170.000.000 đồng. Số nợ 170.000.000 đồng đã được xử lý bằng quyết định có hiệu lực của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Bà S kiện bà T đòi lại số tiền 30.000.000 đồng mà bà bà S đã vay ngày 20/11/2015. Vụ kiện thuộc tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nội dung tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 (do thời điểm ký kết hợp đồng là năm 2015).

[2] Xét phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà S cho bà T vay tiền 30.000.000 đồng vào ngày 20 tháng 11 năm 2015 là đúng sự thật (do hai bên thừa nhận). Như vậy, các đương sự đã xác lập hợp đồngvay tài sản theo Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Hai bên không ghi trong hợp đồng ngày trả nợ. Như vậy, thời hạn trả nợ do bà S quyết định. Tháng 9 năm 2018, bà S đòi nợ. Bà T không trả nợ vì cho rằng bà T đã trả nợ cho bà S. Cụ thể: Bà T cho rằng bà đã trả nợ chung trong hồ sơ thụ lý số 238/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng. Bà S cho rằng khi kiện bà T trong đơn ngày 08 tháng 6 năm 2018 và Tòa án thụ lý số 238/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2018 thì bà kiện số nợ 170.000.000 đồng mà bà T vay ngày 30 tháng 5 năm 2016. Tại quyết định số 106/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã xử lý xong số nợ này. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, đại diện Viện kiểm sát đã hỏi bà S nhiều lần về việc xác định rõ: Số tiền 30.000.000 đồng của giấy nợ ngày 20 tháng 11 năm 2015 đã được cộng dồn thành số tiền 170.000.000 đồng mà bà T vay ngày 30 tháng 5 năm 2016 hay chưa. Bà S đã nhiều lần thừa nhận: Số tiền 30.000.000 đồng của giấy nợ ngày 20 tháng 11 năm 2015 đã được cộng dồn thành số tiền 170.000.000 đồng mà bà T vay ngày 30 tháng 5 năm 2016. Do bà T chưa trả nợ theo Quyết định 106/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018. Nay bà S tìm được giấy nợ số tiền 30.000.000 đồng của giấy nợ ngày 20 tháng 11 năm 2015 nên bà S tiếp tục kiện. Hội đồng xét xử xem xét hồ sơ thụ lý số 238/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xác định: Tòa án đã xử lý số nợ 170.000.000 đồng mà bà T vay ngày 30 tháng 5 năm 2016; đơn khởi kiện của bà S cũng như bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 08 tháng 6 năm 2018 thể hiện số nợ 170.000.000 đồng thì bà T đã trả cho bà S số tiền 45.000.000 đồng nên còn phải trả tiếp số tiền là 125.000.000 đồng. Quyết định 106/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018 thể hiện bà T phải trả cho bà S số tiền là 125.000.000 đồng. Bà S thừa nhận số tiền 30.000.000 đồng trong giấy nợ ngày 20 tháng 11 năm 2015 đã được cộng dồn vào số nợ 170.000.000 đồng. Như vậy, số nợ 30.000.000 đồng đã được xử lý bằng quyết định của Tòa án đã có hiệu lực. Bà T chưa trả nợ cho bà S theo Quyết định 106/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018 thì bà S có quyền yêu cầu thi hành án. Bà S dùng giấy nợ ngày 20 tháng 11 năm 2015 để tiếp tục khởi kiện bà T là không đúng quy định. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

Lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị H không có giá trị chứng minh trong vụ kiện của bà S với bà T nên không được chấp nhận.

Về lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ, tài liêu đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được chấp nhận.

[4] Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 199, 202, 210, 238, 245 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S đối với bà Lê Thị Ngọc T.

2. Án phí:

Bà S chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 750.000 (bảy trăm năm mươi ngàn) đồng mà bà S đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012487 ngày 28/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng. Bà S nộp tiếp 750.000 (bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (29 tháng 11 năm 2018).

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Anh Tuấn